



CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ HẢI PHÒNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 – 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 – 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 – 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07 – 08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

BAN QUẢN LÝ

Các thành viên của Ban Quản lý Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ban Quản lý

Ông Lê Văn Phúc

Ông Vũ Nguyên Khánh

Ông Trịnh Quốc Tuấn

Ông Đỗ Đức Giang

Ông Nguyễn Kim Thảo

Chủ tịch

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/07/2022)

Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01/06/2022)

Người đại diện pháp luật

Ông Lê Văn Phúc

Chủ tịch

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Nguyên Khánh

Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 02 năm 2023



Số. 23/IPA/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu
Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 09 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, với báo cáo kiểm toán số: 10/BCKT-ACC.DH ngày 16/02/2022 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



Lương Thị Thủy

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1148-2023-329-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ TƯ
VẤN IPA**

Hải Phòng, ngày 09 tháng 02 năm 2023

Đặng Ngọc Khánh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4470-2021-329-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		59.510.226.641	58.411.734.444
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.097.462.395	3.447.548.856
1. Tiền	111		2.097.462.395	2.341.381.745
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.106.167.111
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	52.100.000.000	49.777.096.940
1. Đầu tư ngắn hạn	121		52.100.000.000	49.777.096.940
III. Phải thu ngắn hạn	130		3.291.591.806	2.869.878.268
1. Phải thu khách hàng	131	6	102.288.395	386.287.525
2. Trả trước cho người bán	132		242.600.000	281.600.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	6	1.118.727.042	867.533.517
4. Các khoản phải thu khác	135	7	2.106.376.922	1.612.857.779
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(278.400.553)	(278.400.553)
IV. Hàng tồn kho	140		585.810.107	610.596.455
1. Hàng tồn kho	141	8	585.810.107	610.596.455
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.435.362.333	1.706.613.925
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	749.907.399	553.929.179
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	12	-	467.229.812
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	685.454.934	685.454.934
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =220+250+260)	200		26.761.626.356	26.779.289.965
I. Tài sản cố định	220		26.601.999.195	26.546.452.403
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	21.481.720.672	22.315.253.879
- Nguyên giá	222		34.267.806.112	34.267.806.112
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.786.085.440)	(11.952.552.233)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		158.710.500	158.710.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(158.710.500)	(158.710.500)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		5.120.278.523	4.231.198.524
II. Tài sản dài hạn khác	260		159.627.161	232.837.562
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	159.627.161	232.837.562
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		86.271.852.997	85.191.024.409

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		13.998.691.094	12.917.862.506
I. Nợ ngắn hạn	310		13.496.643.444	12.381.576.856
1. Phải trả người bán	312		1.030.606.516	760.385.218
2. Người mua trả tiền trước	313		-	240.846.850
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.210.051.236	41.605.838
4. Phải trả công nhân viên	315		2.192.237.440	2.251.572.085
5. Phải trả nội bộ	317		33.046.795	155.228.883
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	1.471.736.381	870.631.461
7. Dự phòng phải trả nợ ngắn hạn	320	14	5.124.584.709	5.263.539.454
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.434.380.367	2.797.767.067
II. Nợ dài hạn	330		502.047.650	536.285.650
1. Phải trả dài hạn khác	333	13	502.047.650	536.285.650
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		72.273.161.903	72.273.161.903
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	72.273.161.903	72.273.161.903
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		72.194.184.216	72.194.184.216
2. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		78.977.687	78.977.687
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		86.271.852.997	85.191.024.409



Vũ Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 02 năm 2023

Lê Thu Hương
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hiền
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu	01		87.534.330.577	80.275.604.364
1.1.	Doanh thu kinh doanh xổ số	01.1		85.141.373.632	77.844.369.998
1.1.1.	Xổ số truyền thống	01.1.1		24.010.136.360	22.984.245.453
1.1.2.	Xổ số cào	01.1.2		73.568.182	163.804.545
1.1.3.	Xổ số bốc	01.1.3		1.332.778.183	1.342.429.094
1.1.4.	Xổ số lô tô	01.1.4		59.724.890.907	53.353.890.906
1.2.	Doanh thu kinh doanh khác	01.2		2.392.956.945	2.431.234.366
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11.105.396.568	10.397.850.757
2.1.	Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	02.1		11.105.396.568	10.153.613.485
2.1.1.	Xổ số truyền thống	02.1.1		3.131.756.916	2.997.945.055
2.1.2.	Xổ số cào	02.1.2		9.595.848	21.365.810
2.1.3.	Xổ số bốc	02.1.3		173.840.637	175.099.451
2.1.4.	Xổ số lô tô	02.1.4		7.790.203.167	6.959.203.169
2.2.	Giảm trừ doanh thu kinh doanh khác	02.2		-	244.237.272
3.	Doanh thu thuần (10=01-02)	10	16	76.428.934.009	69.877.753.607
3.1.	Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	10.1		74.035.977.064	67.690.756.513
3.1.1.	Xổ số truyền thống	10.1.1		20.878.379.444	19.986.300.398
3.1.2.	Xổ số cào	10.1.2		63.972.334	142.438.735
3.1.3.	Xổ số bốc	10.1.3		1.158.937.546	1.167.329.643
3.1.4.	Xổ số lô tô	10.1.4		51.934.687.740	46.394.687.737
3.2.	Doanh thu thuần kinh doanh khác	10.2		2.392.956.945	2.186.997.094
4.	Chi phí kinh doanh	11	17	74.881.147.184	68.485.128.088
4.1.	Chi phí kinh doanh xổ số	11.1		74.323.317.619	68.446.776.452
4.1.1.	Chi phí trả thưởng	11.1.1		45.076.469.965	40.457.910.684
4.1.2.	Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	11.1.2		29.246.847.654	27.988.865.768
4.2.	Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	11.2		557.829.565	38.351.636
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.547.786.825	1.392.625.519
5.1.	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số	20.1		(287.340.555)	(756.019.939)
5.2.	Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	20.2		1.835.127.380	2.148.645.458

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

				Đơn vị: VND	
STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	3.061.674.428	2.966.751.601
7.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	2.080.521.000	2.092.443.500
8.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25))	30		2.528.940.253	2.266.933.620
9.	Thu nhập khác	31		55.143	16.846.811
10.	Chi phí khác	32		-	83.686.000
11.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		55.143	(66.839.189)
12.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.528.995.396	2.200.094.431
13.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	505.799.079	319.729.260
14.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		2.023.196.317	1.880.365.171



Vũ Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 02 năm 2023

Lê Thu Hương
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hiền
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		2.528.995.396	2.200.094.431
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02	11	833.533.207	1.091.906.925
Các khoản dự phòng	03		(138.954.745)	1.171.523.066
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			-
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.058.075.042)	(2.966.509.288)
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		165.498.816	1.497.015.134
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		416.223.598	788.830.438
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		24.786.348	62.408.749
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		1.477.374.819	(723.851.957)
Thay đổi chi phí trả trước	12		(113.642.819)	(95.256.557)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(400.003.865)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.395.708.017)	(714.369.714)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(825.471.120)	814.776.093
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(889.079.999)	(2.269.153.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(74.640.076.502)	(82.415.192.133)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		72.317.173.442	80.252.337.857
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.687.367.718	2.924.056.528
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(524.615.341)	(1.507.950.748)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(1.350.086.461)	(693.174.655)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	3.447.548.856	4.140.723.511
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70	4	2.097.462.395	3.447.548.856



Vũ Nguyên Khánh
Tổng Giám đốc
Ngày 09 tháng 02 năm 2023

Lê Thu Hương
Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hiền
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng trụ sở đặt tại 19 Điện Biên Phủ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, được thành lập theo Quyết định số 1070/QĐ-UBND ngày 30/06/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển công ty Xổ số kiến thiết thành Công ty TNHH MTV Xổ số và đầu tư tài chính Hải Phòng và Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển Công ty TNHH MTV Xổ số và đầu tư tài chính Hải Phòng thành Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 20/11/2008 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 04 ngày 07/02/2020 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Vốn Điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là: 80.000.000.000 đồng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có các chi nhánh trực thuộc như sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
1	Chi nhánh Kiến An, An Lão - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng	Số 2 đường Nguyễn Lương Bằng – Phường Phù liên, Kiến An, Hải Phòng Số 9 đường Nguyễn Văn Trỗi - TT An lão, An Lão, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
2	Chi nhánh An dương - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng	Số 8 đường 351 Tổ 1 - TT An dương, An Dương, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
3	Chi nhánh Thủy nguyên - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng	Đường Đà Nẵng - TT Núi đèo, Thủy Nguyên, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
4	Chi nhánh Kiến Thụy - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng	Khu Cẩm xuân - Thị trấn Núi đôi, Kiến Thụy, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
5	Chi nhánh Đồ Sơn, Dương Kinh - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng	Số 250 Lý Thánh Tông - Phường Ngọc Hải, Đồ Sơn, Hải Phòng Khu dân cư Ninh hải, Phường Anh dũng, Kinh Dương, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
6	Chi nhánh Vĩnh Bảo, Tiên Lãng - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng	Đường 20/8 - Thị trấn Vĩnh bảo, Vĩnh Bảo, Hải Phòng Khu 2 - Thị trấn Tiên Lãng, Tiên Lãng, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
7	Chi nhánh Bạch Long Vỹ - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng	Khu dân cư số 1, đường tuyến 2, Bạch Long Vỹ, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số
8	Chi nhánh Cát Hải - Công ty TNHH MTV Xổ số Hải Phòng	Tổ 7A, Khu dân phố 2A, TT Cát Bà, Cát Bà, Hải Phòng	Kinh doanh xổ số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động xổ số cá cược và đánh bạc
- Chi tiết: Hoạt động xổ số, đặt cược, các trò chơi có thưởng
- Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Chi tiết: Cho thuê văn phòng

Hoạt động chính: *Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xổ số truyền thống, xổ số bốc và lô tô các loại.*

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng.

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ số kiến thiết ban hành theo thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng giá trị hợp lý theo chính sách kế toán như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư ngắn hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc, tại ngày 31/12/2022, không có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay
	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị quản lý	03 – 07

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của Chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Quyết định của Chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp trong năm phát sinh từ hoạt động kinh doanh xổ số.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	566.079.200	1.063.764.100
Tiền gửi ngân hàng	1.531.383.195	1.277.617.645
Các khoản tương đương tiền (*)	-	1.106.167.111
Cộng	2.097.462.395	3.447.548.856

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi kỳ hạn không quá 03 tháng tại các ngân hàng Thương mại cổ phần.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hải Phòng	15.400.000.000	-	14.200.000.000	-
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng	4.100.000.000	-	3.700.724.337	-
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng	11.100.000.000	-	6.476.372.603	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Hải Phòng	21.500.000.000	-	25.400.000.000	-
Cộng	52.100.000.000	-	49.777.096.940	-

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ HẢI PHÒNGSố 19 Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**Mẫu số B 09-XS**Ban hành theo thông tư số 168/2009/TT-BTC
ngày 19 tháng 08 năm 2009 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ PHẢI THU NỘI BỘ**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>	<i>102.288.395</i>	<i>386.287.525</i>
Dương Thị Minh Ngọc	17.297.440	48.961.240
Phạm Thị Dinh	63.581.785	62.200.385
Nguyễn Thị Minh	-	4.814.500
Đối tượng khác	21.409.170	270.311.400
<i>Phải thu nội bộ ngắn hạn</i>	<i>1.118.727.042</i>	<i>867.533.517</i>
Chi nhánh Xổ số Đồ Sơn - Dương Kinh	120.865.416	94.774.513
Chi nhánh Xổ số Kiến An, An Lão	47.833.982	-
Chi nhánh Xổ số An Dương	56.515.112	39.273.764
Chi nhánh Xổ số Kiến Thụy	395.774.091	355.360.169
Chi nhánh Xổ số Vĩnh Bảo - Tiên Lãng	247.210.049	72.054.182
Chi nhánh Xổ số Cát Hải	250.528.392	306.070.889
Cộng	1.221.015.437	1.253.821.042

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Lãi tiền gửi phải thu	1.282.775.342	912.068.018
Phải thu các chi nhánh	309.858.900	227.112.310
Phải thu khác	513.742.680	473.677.451
Cộng	2.106.376.922	1.612.857.779

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ	127.512.719	98.078.419
Hàng gửi đi bán	25.740.501	24.313.204
Vé xổ số	432.556.887	488.204.832
Cộng giá gốc hàng tồn kho	585.810.107	610.596.455
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	585.810.107	610.596.455

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ HẢI PHÒNGSố 19 Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng**Mẫu số B 09-XS**Ban hành theo thông tư số 168/2009/TT-BTC
ngày 19 tháng 08 năm 2009 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	749.907.399	553.929.179
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	749.907.399	553.929.179
Dài hạn	159.627.161	232.837.562
Chi phí duy tu, sửa chữa TSCĐ	120.024.055	132.891.000
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	39.603.106	99.946.562
Cộng	909.534.560	786.766.741

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản thiếu chờ xử lý (*)	685.454.934	685.454.934
Cộng	685.454.934	685.454.934

(*) Phản ánh những khoản phải thu khó có khả năng thu hồi do các đối tượng nợ đã giải thể hoặc đã chết. Công ty đã trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với một số đối tượng có đủ hồ sơ trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	27.011.703.748	4.414.532.630	2.032.609.591	808.960.143	34.267.806.112
Số cuối năm	27.011.703.748	4.414.532.630	2.032.609.591	808.960.143	34.267.806.112
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	5.570.855.591	4.269.041.526	1.303.694.973	808.960.143	11.952.552.233
Khấu hao trong năm	548.331.448	125.846.623	159.355.136		833.533.207
Số cuối năm	6.119.187.039	4.394.888.149	1.463.050.109	808.960.143	12.786.085.440
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	21.440.848.157	145.491.104	728.914.618	-	22.315.253.879
Số cuối năm	20.892.516.709	19.644.481	569.559.482	-	21.481.720.672

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối năm là: 5.446.916.301 đồng, tại ngày đầu năm là: 2.407.799.938 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Phát sinh tăng trong năm VND	Phát sinh giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
Phải thu				
Thuế tiêu thụ đặc	88.121.541	-	88.121.541	-
Thuế TNDN	5.224.175	-	5.224.175	-
Thuế GTGT	373.884.096	-	373.884.096	-
Cộng	467.229.812	-	467.229.812	-
Phải nộp				
Thuế GTGT	-	8.434.014.941	7.999.790.995	434.223.946
Thuế tiêu thụ đặc	-	11.017.275.027	10.458.350.600	558.924.427
Thuế TNDN	-	500.574.904	400.003.865	100.571.039
Thuế TNCN	41.605.838	307.878.132	233.152.146	116.331.824
Thuế nhà đất	-	386.521.000	386.521.000	-
Các loại thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
Cộng	41.605.838	12.223.249.063	11.489.027.611	1.210.051.236

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn	1.471.736.381	870.631.461
Phải trả các chi nhánh	818.524.354	752.005.206
Doanh thu chưa thực hiện	432.365.000	75.070.000
Phải trả, phải nộp khác	220.847.027	43.556.255
Dài hạn	502.047.650	536.285.650
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	502.047.650	536.285.650

14. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngắn hạn		
Dự phòng rủi ro trả thưởng	5.124.584.709	5.263.539.454
Cộng	5.124.584.709	5.263.539.454

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư XDCĐ VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	72.194.184.216	-	78.977.687	72.273.161.903
Lợi nhuận trong năm	-	1.880.365.171	-	1.880.365.171
Phân phối lợi nhuận	-	(1.880.365.171)	-	(1.880.365.171)
Số dư đầu năm nay	72.194.184.216	-	78.977.687	72.273.161.903
Lợi nhuận trong năm	-	2.023.196.317	-	2.023.196.317
Trích lập quỹ KTPL	-	(2.023.196.317)	-	(2.023.196.317)
Số dư cuối năm nay	72.194.184.216	-	78.977.687	72.273.161.903

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 80.000.000.000 VND.
 Tại ngày cuối năm, số vốn thực góp của chủ sở hữu như sau:

	Theo Giấy CNĐKDN VND	Vốn đã góp đến Số cuối năm VND Tỷ lệ (%)		Vốn đã góp đến Số đầu năm VND Tỷ lệ (%)	
Vốn nhà nước	80.000.000.000	72.194.184.216	90%	72.194.184.216	90%
Cộng	80.000.000.000	72.194.184.216	90%	72.194.184.216	90%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. DOANH THU THUẦN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu	87.534.330.577	80.275.604.364
Doanh thu kinh doanh xổ số	85.141.373.632	77.844.369.998
<i>Xổ số truyền thống</i>	<i>24.010.136.360</i>	<i>22.984.245.453</i>
<i>Xổ số cào</i>	<i>73.568.182</i>	<i>163.804.545</i>
<i>Xổ số bốc</i>	<i>1.332.778.183</i>	<i>1.342.429.094</i>
<i>Xổ số lô tô</i>	<i>59.724.890.907</i>	<i>53.353.890.906</i>
Doanh thu kinh doanh khác	2.392.956.945	2.431.234.366
Các khoản giảm trừ doanh thu	11.105.396.568	10.397.850.757
Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số	11.105.396.568	10.153.613.485
<i>Xổ số truyền thống</i>	<i>3.131.756.916</i>	<i>2.997.945.055</i>
<i>Xổ số cào</i>	<i>9.595.848</i>	<i>21.365.810</i>
<i>Xổ số bốc</i>	<i>173.840.637</i>	<i>175.099.451</i>
<i>Xổ số lô tô</i>	<i>7.790.203.167</i>	<i>6.959.203.169</i>
Giảm trừ doanh thu kinh doanh khác	-	244.237.272
Doanh thu thuần	76.428.934.009	69.877.753.607
Hoạt động kinh doanh xổ số	74.035.977.064	67.690.756.513
Hoạt động kinh doanh khác	2.392.956.945	2.186.997.094

17. CHI PHÍ KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí kinh doanh xổ số	74.323.317.619	68.446.776.452
<i>Chi phí trả thưởng</i>	<i>45.076.469.965</i>	<i>40.457.910.684</i>
<i>Chi phí trực tiếp phát hành xổ số</i>	<i>29.246.847.654</i>	<i>27.988.865.768</i>
Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán	557.829.565	38.351.636
Cộng	74.881.147.184	68.485.128.088

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.058.075.042	2.952.181.288
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.599.386	14.570.313
Cộng	3.061.674.428	2.966.751.601

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lương viên chức quản lý	1.683.000.000	1.774.800.000
Chi phí khác	397.521.000	317.643.500
Cộng	2.080.521.000	2.092.443.500

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	2.528.995.396	2.200.094.431
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	83.686.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	83.686.000
Thu nhập chịu thuế	2.528.995.396	2.283.780.431
Trừ: Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	2.528.995.396	2.283.780.431
Thuế suất thông thường	20%	20%
Giảm 30% theo nghị định 92/2021/NĐ-CP (*)	-	(137.026.826)
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện	505.799.079	319.729.260

(*) Căn cứ vào nghị định 92/2022/NĐ-CP ký ngày 27/10/2022 về giảm thuế TNDN năm 2021, doanh nghiệp có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 (80.275.604.364 đ) giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2020 (83.956.186.593 đ) nên được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2021.

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương	1.301.079.000	1.430.247.400

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ HẢI PHÒNG

Số 19 Điện Biên Phủ, Phường Máy Tơ,
Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-XS

Ban hành theo thông tư số 168/2009/TT-BTC
ngày 19 tháng 08 năm 2009 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác.



Vũ Nguyên Khánh

Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 02 năm 2023

Lê Thu Hương

Kế toán trưởng

Trịnh Thị Hiền

Người lập

